

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 19-3-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Thu Hà;

2. Ông Hoàng Sỹ Lĩnh.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hoàng Rung K'Tuấn là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST-DS ngày 01/10/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Trần Văn C, sinh năm 1962. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: F H, khu phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/01/2025. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu L thì: Năm 2021, vợ chồng ông C, bà H có cho bà Phạm Thị H1 vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà H1 viết cho vợ chồng ông C, bà H một Giấy cam kết trả nợ ngày 02/8/2021, hẹn năm đầu sẽ trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc, từ năm thứ hai sẽ trả 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc cho đến khi trả hết nợ, tiền lãi sẽ trả hàng tháng theo lãi suất ngân hàng là 1%. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà H1 không trả tiền cho vợ chồng ông C, bà H, không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông C, bà H, bà H1 còn thách thức vợ chồng ông C, bà H đi kiện. Do đó, vợ chồng ông C, bà H làm đơn này, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết: Buộc bà H1 phải trả cho vợ chồng ông C, bà H số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà H1 còn phải trả cho vợ chồng ông C, bà H tiền lãi tính từ ngày 02/8/2021 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong với mức lãi suất là 1%/tháng. Ngoài ra, vợ chồng ông C, bà H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Phạm Thị H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai lập ngày 13/02/2025 thì: Bà và ông C, bà H có quen biết nhau. Bà có vay của ông C, bà H số tiền là 50.000.000đ, thời gian vay khi nào bà không nhớ. Trong khi bà chưa có tiền trả thì đến ngày 02/8/2021 bà và ông C, bà H làm giấy cam kết trả nợ. Giấy cam kết trả nợ ông C, bà H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký chữ viết của bà. Nay ông C, bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 50.000.000đ và 18.500.000đ tiền lãi thì bà không đồng ý. Vì ông C còn nợ bà số tiền 250.000.000đ, ông C không trả cho bà nên bà không trả tiền cho ông C. Nếu ông C trả bà số tiền 250.000.000đ thì bà trả cho ông C số tiền đã vay là 50.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của ông C, bà H. Đối với số tiền ông C nợ bà 250.000.000đ thì bà sẽ làm đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án yêu cầu ông C phải trả cho bà số tiền là 250.000.000đ trong thời gian 10 ngày kể từ ngày hôm nay. Quá thời hạn trên, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng do một bên đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất, cụ thể: nguyên đơn ông C, bà H yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 02/8/2021 đến ngày giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bà Phạm Thị H1. Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và tiền lãi suất là 18.197.777đ.

Về án phí: Bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H1 phải trả số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 02/8/2021 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H với bị đơn bà Phạm Thị H1; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thể hiện thì: Ngày 02/8/2021 bà Phạm Thị H1 viết cam kết có nợ của ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H số tiền là 50.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 13/02/2025, bà H1 thừa nhận có vay của ông C, bà H số tiền là 50.000.000đ, thời gian vay khi nào bà không nhớ. Trong khi bà chưa có tiền trả thì đến ngày 02/8/2021 bà H1 và ông C, bà H làm giấy cam kết trả nợ. Giấy cam kết trả nợ ông C, bà H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký chữ viết của bà H1. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc bà H1 cho rằng: lý do bà H1 chưa trả cho ông C, bà H số tiền nợ gốc là 50.000.000đ là do ông C còn nợ bà H1 số tiền là 250.000.000đ là không phù hợp. Do vậy, cần buộc bà H1 phải trả cho ông C, bà H số tiền gốc là 50.000.000đ là có căn cứ.

Đối với ý kiến của bà H1 cho rằng ông C, bà H còn nợ bà H1 số tiền là 250.000.000đ. Về việc này bà H1 có quyền yêu cầu phản tố trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản 13/02/2025 đến trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà H1 không có yêu cầu phản tố, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, bà H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông C, bà H, nhận thấy:

Tại giấy cam kết trả nợ, bà H1 cam kết trả tiền lãi đối với số tiền gốc vay 50.000.000đ cho ông C, bà H1 theo mức lãi suất của ngân hàng. Do vậy, việc ông C, bà H yêu cầu trả tiền lãi cần căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự để xem xét. Mức lãi suất ông C, bà H yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi tính theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 02/8/2021 đến ngày xét xử là phù hợp nên được chấp nhận, lãi suất được tính như sau:

$50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 43 tháng \times 17 ngày = 18.080.166đ.$

Từ những phân tích, nhận định ở trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H, buộc bị đơn bà Phạm Thị H1 phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H số tiền gốc là 50.000.000đ và số tiền lãi là 18.080.166đ, cộng chung cả tiền gốc và tiền lãi là 68.080.166đ là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $68.080.166đ \times 5\% = 3.404.000đ.$

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* với bị đơn bà Phạm Thị H1.

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đoàn Thị H số tiền gốc là 50.000.000đ và số tiền lãi là 18.080.166đ, cộng chung cả tiền gốc và tiền lãi là 68.080.166đ (*Sáu mươi tám triệu không trăm tám mươi ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H1 phải chịu 3.404.000đ (*Ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn C là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị H 856.000đ (T trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005019 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh